

Số: 794 /QĐ-STNMT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023

**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 18 tháng 7 năm 2003 về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 5521/TB-STNMT-KHTC ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2023 của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường (chi tiết theo biểu mẫu đính kèm).

[Handwritten signature]



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Sở và Thủ trưởng các Phòng thuộc Sở có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- BGĐ Sở để b/c;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT,KHTC;
- DT: Phụng (15b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Toàn Thắng

Đơn vị: **VĂN PHÒNG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Chương: 426



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-STNMT-KHTC ngày 01 / 8 / 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	8.910.187.500	8.910.187.500	-
1	Phí	1.811.740.000	1.811.740.000	-
2	Lệ phí	7.098.447.500	7.098.447.500	-
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	-	-	-
1	Chi sự nghiệp	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ chuyên môn	-	-	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-
2	Chi quản lý hành chính	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	8.910.187.500	8.910.187.500	-
1	Phí	1.811.740.000	1.811.740.000	-
2	Lệ phí	7.098.447.500	7.098.447.500	-
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.907.554.719.899	1.907.554.719.899	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.907.554.719.899	1.907.554.719.899	-
1	Chi quản lý hành chính	60.107.624.353	60.107.624.353	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	36.893.415.372	36.893.415.372	-
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	23.214.208.981	23.214.208.981	-
2	Chi hoạt động kinh tế	5.012.783.028	5.012.783.028	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.012.783.028	5.012.783.028	-
3	Chi sự nghiệp môi trường	1.842.434.312.518	1.842.434.312.518	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.842.434.312.518	1.842.434.312.518	-
3.2.1	Chi sự nghiệp môi trường	5.100.700.705	5.100.700.705	-
3.2.2	Chi Dịch vụ vệ sinh môi trường	1.837.333.611.813	1.837.333.611.813	-

